

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tuyền và ông Trần Kim Phê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Khu phố P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Lâm V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ngô Thị T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn L, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Có yêu cầu xử vắng mặt.

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có yêu cầu xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai và sống ly thân đến nay đã 02 năm. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T xin ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 05/8/2021. Ly hôn chị T xin nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Lâm V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ý kiến nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp ly hôn; bị đơn có hộ khẩu tại xã T, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 13- Đắk Lắk theo quy định các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T và bị đơn Nguyễn Lâm V tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 04/01/1984 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nguyên đơn đã về phía chị sinh sống từ tháng 02/2023, không ai quan tâm đến ai đúng như lời khai của bà Ngô Thị T1 (mẹ nguyên đơn) và Nguyễn Thị L (mẹ bị đơn). Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết việc chị T xin ly hôn tại Tòa án nhưng cố tình bỏ mặc, không có thiện chí đoàn tụ. Xét tình cảm vợ chồng không tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 05/8/2021, ly hôn nguyên đơn xin được nuôi con. Xét, con chung còn nhỏ, từ trước đến nay do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cũng đang ở với nguyên đơn. Để đảm bảo cho cháu N phát triển tốt về thể chất và tinh thần cần tiếp tục giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nên không xét.

[2.3] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T và bị đơn Nguyễn Lâm V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 05/8/2021 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn Nguyễn Lâm V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T phải chịu: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007290 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắc Lắc*).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13, tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã H, tỉnh Đắk Lắk;
- (GDKKH số 44, ngày 04/01/1984);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mộng Tuyền